

Số:
V/v báo cáo kết quả tăng trưởng
kinh tế quý I và mục tiêu tăng
trưởng quý II năm 2026

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hoành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai năm 2026 đạt 10%;

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 2/02/2026 của UBND tỉnh ban hành kịch bản tăng trưởng năm 2026 và giao mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực bảo đảm tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai đạt mục tiêu 10% năm 2026;

Trên cơ sở số liệu và phân tích của Thống kê tỉnh¹, Sở Tài chính báo cáo đánh giá kết quả tăng trưởng kinh tế quý I năm 2026 và đề xuất định hướng, giải pháp điều hành quý II năm 2026 nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP cả năm đạt 10% theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh.

I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT KẾT QUẢ QUÝ I NĂM 2026

Trong quý I năm 2026, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, tỉnh Đồng Nai đã đạt được kết quả tăng trưởng tương đối tích cực. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng **9,76%** so với cùng kỳ, quy mô đạt khoảng 169,2 nghìn tỷ đồng, thuộc nhóm địa phương có tốc độ tăng trưởng cao của cả nước và cao nhất khu vực phía Nam.

Tuy nhiên, so với kịch bản tăng trưởng được giao (9,84%), kết quả thực hiện còn thấp hơn 0,08 điểm phần trăm, cho thấy áp lực hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm 10% là rất lớn, đòi hỏi các cấp, các ngành phải quyết liệt hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành từ quý II.

Về cơ cấu, khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn 54,8%, dịch vụ chiếm 27,36%, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,24%, tiếp tục xu hướng chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.

(Kèm theo Phụ lục I – So sánh kết quả tăng trưởng quý I năm 2026 với kịch bản đã xây dựng)

¹ Tại văn bản số 276/TKT-TKTH ngày 03/4/2026 của Thống kê tỉnh.

II. PHÂN TÍCH CÁC ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

Trong quý I năm 2026, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đồng Nai tiếp tục được dẫn dắt chủ yếu bởi khu vực công nghiệp và xây dựng. Khu vực này đạt mức tăng trưởng **11,78%**, đóng góp 6,31 điểm phần trăm vào mức tăng chung của GRDP, qua đó khẳng định vai trò là động lực chủ yếu của nền kinh tế tỉnh. Trong đó, ngành công nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất và phân phối điện tăng mạnh, tạo thêm giá trị gia tăng đáng kể cho nền kinh tế. Tuy nhiên, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (trụ cột quan trọng của tăng trưởng) mặc dù vẫn duy trì mức tăng khá nhưng chưa đạt kịch bản đề ra, cho thấy sự phục hồi chưa thực sự vững chắc và còn phụ thuộc vào diễn biến của thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động xây dựng có mức tăng trưởng tương đối nhưng chưa đạt kỳ vọng, nhất là lĩnh vực xây dựng nhà ở tăng thấp, chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa mạnh đến các ngành liên quan.

Khu vực dịch vụ trong quý I ghi nhận mức tăng trưởng **8,73%**, đóng góp 2,36 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung. Một số ngành dịch vụ có mức tăng khá cao như vận tải, kho bãi; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; kinh doanh bất động sản, phản ánh sự phục hồi của hoạt động sản xuất, nhu cầu vận chuyển hàng hóa và sự cải thiện của thị trường. Tuy nhiên, nhiều ngành dịch vụ quan trọng như lưu trú, ăn uống; tài chính, ngân hàng; thông tin và truyền thông chưa đạt mức tăng trưởng theo kịch bản, cho thấy khu vực dịch vụ chưa phát huy đầy đủ vai trò là động lực thứ hai của nền kinh tế, đồng thời chưa tạo được dư địa đủ lớn để chia sẻ áp lực tăng trưởng với khu vực công nghiệp.

Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, trong quý I tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định với mức tăng **4,77%**, vượt kịch bản đề ra. Kết quả này chủ yếu nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi, nguồn nước tưới được bảo đảm, dịch bệnh trên đàn vật nuôi cơ bản được kiểm soát và giá một số sản phẩm nông nghiệp duy trì ở mức hợp lý. Mặc dù đóng góp vào tăng trưởng chung không lớn do quy mô còn hạn chế, song khu vực nông nghiệp tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh lương thực và tạo sinh kế cho người dân.

Nhìn chung, các động lực tăng trưởng trong quý I năm 2026 có sự phân hóa rõ nét. Khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục giữ vai trò chủ đạo nhưng chưa thực sự ổn định; khu vực dịch vụ phục hồi nhưng chưa đạt kỳ vọng; khu vực nông nghiệp duy trì ổn định nhưng đóng góp còn hạn chế. Điều này cho thấy cơ cấu động lực tăng trưởng của tỉnh vẫn phụ thuộc lớn vào khu vực công nghiệp, trong khi các động lực khác chưa phát huy đầy đủ vai trò, đặt ra yêu cầu cần có giải pháp điều hành đồng bộ, hiệu quả hơn trong các quý tiếp theo nhằm bảo đảm tính bền vững của tăng trưởng.

III. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC NGÀNH KINH TẾ CẤP 1

Kết quả tăng trưởng của 21 ngành kinh tế cấp I trong quý I năm 2026 cho thấy xu hướng phân hóa rõ rệt giữa các ngành, lĩnh vực, trong đó các ngành có tỷ trọng lớn chưa đạt kịch bản là nguyên nhân chính làm giảm mức tăng trưởng chung của toàn tỉnh.

Trước hết, đối với nhóm ngành có tỷ trọng lớn trong cơ cấu GRDP, một số ngành chủ lực chưa đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra. Đáng chú ý, **ngành công nghiệp chế biến, chế tạo** chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nền kinh tế (khoảng 46% GRDP) mặc dù duy trì mức tăng khá **10,4%**, song chưa đạt kịch bản tăng trưởng (10,88%), phản ánh sự phục hồi còn phụ thuộc vào đơn hàng và thị trường xuất khẩu. Tương tự, **ngành xây dựng** và **ngành vận tải, kho bãi** đều có mức tăng trưởng tương đối nhưng chưa đạt kế hoạch (ngành xây dựng tăng trưởng **11,72%**, chưa đạt kịch bản 16,44%; ngành vận tải, kho bãi tăng trưởng **15,23%**, chưa đạt kịch bản 20,03%), cho thấy những khó khăn, vướng mắc trong triển khai đầu tư, giải phóng mặt bằng, cũng như hạn chế về năng lực cung ứng dịch vụ logistics trong bối cảnh nhu cầu tăng cao. Đây là các ngành có vai trò quyết định đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh, do đó việc không đạt kịch bản đã tác động trực tiếp đến kết quả tăng trưởng chung trong quý I.

Bên cạnh đó, một số ngành có mức tăng trưởng cao, vượt kịch bản đã góp phần bù đắp một phần mức thiếu hụt của các ngành chủ lực. Trong đó, **ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí** tăng trưởng đột biến **37,56%** so với kịch bản 12,25%, tạo thêm giá trị gia tăng đáng kể cho khu vực công nghiệp; **ngành kinh doanh bất động sản** duy trì đà tăng trưởng tích cực **9,75%** so với kịch bản 8,17%. Tuy nhiên, các ngành này có quy mô và tỷ trọng không cao, do đó mức độ lan tỏa đến toàn bộ nền kinh tế còn hạn chế.

Đối với nhóm **ngành dịch vụ**, nhiều ngành chưa đạt mục tiêu tăng trưởng, như tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (tăng trưởng 5,01%, chưa đạt kịch bản 7,94%); thông tin và truyền thông (tăng trưởng 7,58%, chưa đạt kịch bản 10,38%); giáo dục và đào tạo (tăng trưởng 7,01%, chưa đạt kịch bản 10,38%); y tế và hoạt động trợ giúp xã hội (tăng trưởng 6,03%, chưa đạt kịch bản 9,36%); dịch vụ lưu trú và ăn uống (tăng trưởng 4,29%, chưa đạt kịch bản 6,11%). Điều này cho thấy sức cầu trong nền kinh tế, đặc biệt là tiêu dùng dịch vụ tuy đã phục hồi nhưng còn chậm, chưa tạo được động lực tăng trưởng rõ nét cho khu vực dịch vụ.

Đối với khu vực **nông, lâm nghiệp và thủy sản** tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định 4,77% và vượt kịch bản 4,26%, đóng vai trò là yếu tố hỗ trợ ổn

định nền kinh tế trong bối cảnh còn nhiều biến động. Tuy nhiên, do quy mô còn nhỏ, khu vực này chưa thể đóng góp lớn vào tăng trưởng chung.

Tổng thể, cơ cấu tăng trưởng theo ngành kinh tế cấp I trong quý I năm 2026 cho thấy nền kinh tế tỉnh Đồng Nai vẫn phụ thuộc lớn vào một số ngành công nghiệp chủ lực, trong khi nhiều ngành dịch vụ và ngành hỗ trợ chưa phát huy đầy đủ tiềm năng. Việc các ngành có tỷ trọng lớn chưa đạt kịch bản tăng trưởng đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả chung, đồng thời phản ánh những hạn chế cần sớm được khắc phục trong công tác điều hành nhằm tạo sự cân bằng và bền vững hơn cho các động lực tăng trưởng trong các quý tiếp theo.

(Kèm theo Phụ lục II – So sánh kết quả tăng trưởng quý I năm 2026 với kịch bản đã xây dựng đối với 21 ngành cấp I)

IV. NHẬN DIỆN ĐIỂM SÁNG VÀ ĐIỂM NGHẼN

1. Điểm sáng

Trong quý I năm 2026, kinh tế của tỉnh tiếp tục ghi nhận một số điểm sáng tích cực, tạo nền tảng cho tăng trưởng các quý tiếp theo.

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng GRDP duy trì ở mức cao trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức từ kinh tế thế giới và trong nước, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò của tỉnh Đồng Nai là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của khu vực phía Nam và cả nước.

Thứ hai, khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục giữ vai trò động lực chủ yếu, với nhiều ngành công nghiệp duy trì đà tăng trưởng khá. Đặc biệt, ngành sản xuất và phân phối điện tăng trưởng đột biến nhờ các dự án năng lượng trọng điểm đi vào vận hành, góp phần bổ sung đáng kể giá trị tăng thêm cho nền kinh tế và tạo dư địa tăng trưởng trong ngắn hạn.

Thứ ba, khu vực dịch vụ từng bước phục hồi, một số ngành có mức tăng trưởng khá như vận tải, kho bãi; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; kinh doanh bất động sản, phản ánh sự cải thiện của hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu vận chuyển và tiêu dùng trên địa bàn.

Thứ tư, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tăng trưởng ổn định, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống người dân và tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế nông thôn.

2. Điểm nghẽn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, tăng trưởng kinh tế quý I năm 2026 vẫn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế và điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ trong thời gian tới.

Thứ nhất, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo - động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế chưa đạt kịch bản đề ra, cho thấy sự phục hồi sản xuất chưa

thực sự vững chắc và còn phụ thuộc lớn vào diễn biến của thị trường xuất khẩu và đơn hàng. Đây là yếu tố có tác động trực tiếp đến khả năng hoàn thành mục tiêu tăng trưởng chung của tỉnh.

Thứ hai, khu vực dịch vụ tuy có cải thiện nhưng tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng, nhiều ngành dịch vụ quan trọng chưa đạt kịch bản, cho thấy khu vực này chưa phát huy đầy đủ vai trò là động lực thứ hai của nền kinh tế, đồng thời chưa tạo được sức lan tỏa mạnh để hỗ trợ tăng trưởng chung.

Thứ ba, tiến độ triển khai một số dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án xây dựng và bất động sản, còn chậm; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, do đó chưa phát huy được vai trò đòn bẩy của đầu tư công để tạo sự lan tỏa đến tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, chi phí đầu vào của doanh nghiệp, nhất là giá nhiên liệu, chi phí vận chuyển và một số nguyên vật liệu, vẫn ở mức cao, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng đến khả năng mở rộng sản xuất của doanh nghiệp.

Thứ năm, thị trường xuất khẩu, sức mua trong nước và môi trường kinh doanh vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, trong khi năng lực thích ứng của một bộ phận doanh nghiệp còn hạn chế, ảnh hưởng đến tính ổn định và bền vững của tăng trưởng.

Thứ sáu, cơ cấu tăng trưởng vẫn phụ thuộc lớn vào khu vực công nghiệp, trong khi các động lực tăng trưởng mới như dịch vụ chất lượng cao, kinh tế số, logistics,... chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

V. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU NĂM 2026

1. Đánh giá chung kết quả tăng trưởng quý I năm 2026

Tổng thể, tăng trưởng kinh tế quý I năm 2026 của tỉnh Đồng Nai đạt kết quả tích cực nhưng chưa thực sự vững chắc và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các điểm sáng chủ yếu vẫn tập trung ở khu vực công nghiệp, trong khi các điểm nghẽn lớn liên quan đến chất lượng tăng trưởng, cơ cấu ngành và môi trường đầu tư kinh doanh cần được giải quyết triệt để.

Do đó, trong thời gian tới, cần tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm phát huy tối đa các điểm sáng, đồng thời tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn, tạo chuyển biến rõ nét trong các quý tiếp theo, góp phần bảo đảm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 của tỉnh.

2. Đánh giá khả năng thực hiện mục tiêu năm 2026

Theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và kịch bản tăng trưởng năm 2026, tỉnh Đồng Nai phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GRDP 10% trong cả năm. Trên cơ sở kết quả thực hiện quý I năm 2026 và diễn biến của các

động lực tăng trưởng, có thể nhận định về khả năng hoàn thành mục tiêu như sau:

Trước hết, kết quả tăng trưởng quý I đạt 9,76%, mặc dù ở mức cao so với bình quân chung cả nước, song vẫn thấp hơn kịch bản đề ra. Điều này tạo áp lực đáng kể cho các quý tiếp theo, đặc biệt là quý II và quý III, là các giai đoạn có vai trò quyết định đến kết quả tăng trưởng cả năm.

Theo kịch bản đã xây dựng, để đạt mục tiêu tăng trưởng 10% cho cả năm, các khu vực kinh tế chủ yếu phải duy trì tốc độ tăng trưởng cao. So với kết quả thực hiện quý I, khu vực công nghiệp – xây dựng cơ bản bám sát kịch bản, tuy nhiên chất lượng tăng trưởng chưa thực sự ổn định; khu vực dịch vụ tăng thấp hơn yêu cầu và chưa tạo được dư địa tăng trưởng đủ lớn; khu vực nông nghiệp duy trì ổn định nhưng đóng góp còn hạn chế.

Bên cạnh đó, các yếu tố tác động từ bên ngoài như biến động kinh tế thế giới, thị trường xuất khẩu, giá cả nguyên vật liệu, chi phí logistics,... vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong các quý tiếp theo. Trong khi đó, các yếu tố nội tại như tiến độ triển khai dự án đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công, cải cách thủ tục hành chính... nếu không được cải thiện kịp thời sẽ tiếp tục là lực cản đối với tăng trưởng.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn, tỉnh vẫn còn những dư địa và cơ hội để thúc đẩy tăng trưởng trong các quý tiếp theo. Nhiều dự án hạ tầng trọng điểm đang được đẩy nhanh tiến độ, các dự án công nghiệp, năng lượng đã và sẽ tiếp tục đi vào vận hành, tạo thêm năng lực sản xuất mới; thị trường tiêu dùng và dịch vụ có xu hướng phục hồi; hoạt động thu hút đầu tư trong và ngoài nước tiếp tục được quan tâm thúc đẩy. Đây là những yếu tố quan trọng có thể hỗ trợ tăng trưởng nếu được khai thác hiệu quả.

Từ những phân tích trên, có thể nhận định rằng mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 của tỉnh Đồng Nai là khả thi nhưng thách thức rất lớn, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ và linh hoạt hơn trong các quý tiếp theo. Trong đó, trọng tâm là tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, phát huy tối đa các động lực tăng trưởng, nhất là đối với khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; thúc đẩy phát triển khu vực dịch vụ; đồng thời cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Trong trường hợp các giải pháp được triển khai kịp thời, hiệu quả ngay từ quý II, cùng với việc tận dụng tốt các cơ hội từ đầu tư hạ tầng và phục hồi thị trường, tỉnh có cơ sở để bù đắp phần tăng trưởng còn thiếu trong quý I và phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 theo kế hoạch đề ra.

VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐIỀU HÀNH QUÝ II NĂM 2026

1. Định hướng cho quý II năm 2026

Trên cơ sở kết quả thực hiện quý I năm 2026, nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong quý II và các quý tiếp theo, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng cả năm đạt 10%, Sở Tài chính đề xuất nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

Thứ nhất, tập trung ưu tiên thúc đẩy khu vực công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo - động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế. Các Sở, ban, ngành, địa phương cần chủ động nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI có đóng góp lớn vào GRDP; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đơn hàng, nguyên vật liệu, lao động, tín dụng và thị trường tiêu thụ. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp trọng điểm, sớm đưa các dự án vào hoạt động để bổ sung năng lực sản xuất, tạo thêm giá trị tăng thêm cho nền kinh tế.

Thứ hai, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, coi đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các chủ đầu tư, Sở, ban, ngành và địa phương cần rà soát từng dự án, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện; kiên quyết điều chuyển vốn đối với các dự án chậm triển khai, bảo đảm tỷ lệ giải ngân theo kế hoạch đề ra. Tập trung nguồn lực cho các công trình trọng điểm, dự án hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, khu đô thị có khả năng lan tỏa cao.

Thứ ba, đối với khu vực dịch vụ, cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm kích cầu tiêu dùng và phát triển thị trường. Tăng cường các chương trình xúc tiến thương mại, khuyến mại, kết nối cung cầu; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics, vận tải nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống gắn với các hoạt động văn hóa, sự kiện, lễ hội, qua đó góp phần gia tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ.

Thứ tư, tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Tập trung rà soát, cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức. Chủ động hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, mặt bằng sản xuất, thông tin thị trường, qua đó khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Thứ năm, đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; chủ động phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và ứng phó với các yếu tố bất lợi của thời tiết.

Thứ sáu, tăng cường công tác theo dõi, dự báo, phân tích tình hình kinh tế - xã hội, nhất là các yếu tố tác động từ bên ngoài như thị trường xuất khẩu, giá cả nguyên vật liệu, chính sách thương mại của các đối tác lớn, nhằm kịp thời tham mưu điều chỉnh kịch bản tăng trưởng phù hợp với thực tiễn. Phân công rõ trách nhiệm cho từng Sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các tồn tại, hạn chế.

Thứ bảy, tập trung triển khai hiệu quả các định hướng lớn của tỉnh về phát triển hạ tầng chiến lược, đặc biệt là khu vực Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các tuyến giao thông kết nối vùng, phát triển hệ sinh thái logistics, dịch vụ hàng không, đô thị sân bay; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và các ngành dịch vụ chất lượng cao, qua đó từng bước hình thành các động lực tăng trưởng mới, giảm dần sự phụ thuộc vào một số ngành công nghiệp truyền thống.

2. Kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện

Trên cơ sở kết quả tăng trưởng quý I năm 2026 và yêu cầu thực hiện mục tiêu tăng trưởng cả năm đạt 10%, Sở Tài chính kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo triển khai một số nội dung trọng tâm nhằm kịp thời điều chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác điều hành trong các quý tiếp theo.

1. Kiến nghị UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 trên cơ sở cập nhật kết quả thực hiện quý I và dự báo tình hình các quý còn lại (Sở Tài chính đính kèm dự thảo Quyết định điều chỉnh Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh ban hành kịch bản tăng trưởng năm 2026 và giao mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực bảo đảm tăng trưởng kinh tế tỉnh Đồng Nai đạt mục tiêu 10% năm 2026).

Đối với kịch bản tăng trưởng của 21 ngành kinh tế cấp 1, do cần cập nhật theo số liệu chi tiết và kịch bản chuyên sâu của Thống kê tỉnh, do đó, Sở Tài chính kiến nghị sẽ điều chỉnh vào kỳ báo cáo 6 tháng năm 2026. Đề nghị các Sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục bám sát kịch bản tăng trưởng đã được giao tại Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, yêu cầu các Sở, ban, ngành tập trung phấn đấu trong quý II để bù đắp phần tăng trưởng còn thiếu của các

ngành, lĩnh vực chưa đạt kịch bản trong quý I, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2026

2. Kiến nghị UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các Sở, ban, ngành tiến hành đánh giá kết quả thực hiện trong quý I theo từng ngành, lĩnh vực, xác định rõ các ngành chưa đạt kịch bản, phân tích nguyên nhân cụ thể và xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện cho quý II theo hướng bù đắp phần tăng trưởng còn thiếu trong quý I để phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng 6 tháng năm 2026, đặc biệt là các ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu GRDP của tỉnh (*đính kèm dự thảo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh*).

Sở Tài chính báo cáo kết quả tăng trưởng kinh tế quý I và đề xuất nội dung chỉ đạo thực hiện mục tiêu tăng trưởng quý II năm 2026, kính báo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, THQH.
Baoth.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Thị Kim Oanh

Phụ lục I
SO SÁNH KẾT QUẢ TĂNG TRƯỞNG QUÝ I NĂM 2026
VỚI KỊCH BẢN ĐÃ XÂY DỰNG

(Kèm theo văn bản số/STC-THQH ngày .../4/2026 của Sở Tài chính)

Stt		Tốc độ tăng GRDP (%)			
		Kết quả quý I năm 2026	Theo kịch bản quý I năm 2026	So sánh với kịch bản	Ghi chú
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	9,76	9,84	- 0,08	Không đạt
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	4,77	4,26	+ 0,51	Đạt
2	Công nghiệp và Xây dựng	11,78	11,49	+ 0,29	Đạt
-	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>11,78</i>	<i>10,91</i>	<i>+ 0,87</i>	Đạt
-	<i>Xây dựng</i>	<i>11,72</i>	<i>16,44</i>	<i>- 4,72</i>	<i>Không đạt</i>
3	Dịch vụ	8,73	9,59	- 0,86	Không đạt
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	7,25	8,32	- 1,07	Không đạt

PHỤ LỤC II
SO SÁNH KẾT QUẢ TĂNG TRƯỞNG QUÝ I NĂM 2026
VỚI KỊCH BẢN ĐÃ XÂY DỰNG

(Theo 21 ngành cấp 1)

(Kèm theo văn bản số/STC-THQH ngày .../4/2026 của Sở Tài chính)

STT	NGÀNH KINH TẾ CẤP 1	Tỷ trọng GRDP quý I năm 2026 (%)	Tốc độ tăng trưởng (%)			
			Kết quả quý I năm 2026	Theo kịch bản quý I năm 2026	So sánh với kịch bản	Ghi chú
1	A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	12,08	104,77	104,26	0,51	ĐẠT
2	B. Khai khoáng	0,30	104,10	106,94	-2,84	Không Đạt
3	C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	45,94	110,40	110,88	-0,48	Không Đạt
4	D(35). Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	3,43	137,56	112,25	25,31	ĐẠT
5	E. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	0,50	102,78	109,35	-6,57	Không Đạt
6	F. Xây dựng	4,43	111,72	116,44	-4,72	Không Đạt
7	G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	7,74	108,95	108,22	0,73	ĐẠT
8	H. Vận tải kho bãi	3,13	115,23	120,03	-4,80	Không Đạt
9	I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2,41	104,29	106,11	-1,82	Không Đạt
10	J. Thông tin và truyền thông	1,53	107,58	110,38	-2,80	Không Đạt
11	K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1,78	105,01	107,94	-2,93	Không Đạt
12	L(68). Hoạt động kinh doanh bất động sản	2,77	109,75	108,17	1,58	ĐẠT
13	M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	0,50	107,58	108,24	-0,66	Không Đạt

14	N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	0,99	115,82	101,56	14,26	ĐẠT
15	O(84). Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	1,14	106,57	106,85	-0,28	Không Đạt
16	P(85). Giáo dục và đào tạo	2,05	107,01	110,38	-3,37	Không Đạt
17	Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1,32	106,03	109,36	-3,33	Không Đạt
18	R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	0,65	111,01	108,33	2,68	ĐẠT
19	S. Hoạt động dịch vụ khác	0,50	105,95	105,01	0,94	ĐẠT
20	T. Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	0,24	108,19	111,19	-3,00	Không Đạt
21	U(99). Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-	-	-	-

Phụ lục III
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GRDP ĐIỀU CHỈNH NĂM 2026
(Kèm theo văn bản số/STC-THQH ngày .../4/2026 của Sở Tài chính)

Stt		Kết quả Quý I (%)	Kịch bản tăng trưởng GRDP 2026 (%)					
			Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm 2026
	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	109,76	109,80	109,78	110,55	110,00	110,00	110,00
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	104,77	104,75	104,76	104,60	104,71	104,20	104,60
2	Công nghiệp và Xây dựng	111,78	111,79	111,78	112,78	112,08	111,47	111,93
-	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>111,78</i>	<i>111,79</i>	<i>111,79</i>	<i>111,98</i>	<i>111,84</i>	<i>111,86</i>	<i>111,85</i>
-	<i>Xây dựng</i>	<i>111,72</i>	<i>111,79</i>	<i>111,75</i>	<i>119,67</i>	<i>114,29</i>	<i>108,23</i>	<i>112,72</i>
3	Dịch vụ	108,73	108,89	108,79	109,34	108,95	109,85	109,17
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	107,25	107,70	107,43	108,50	107,74	109,50	108,16